TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 369/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh;

2. Ông Trần Văn Chon.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lụa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1466/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 94/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Tuyết M, sinh năm: 1989; địa chỉ thường trú: Số 215 Đường 490, Tổ 1, Ấp 1, xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm: 1989; địa chỉ: Số 69/15A Đường 558, ấp Tr, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 26/9/2022 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết M trình bày:

Bà với ông Nguyễn Hữu Th tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22/2018 ngày 24/4/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng hạnh phúc một thời gian, rồi phát sinh mâu thuẫn do vấn đề về tiền bạc và thường xuyên cãi vả gay gắt, ông Th không lo cho vợ con, gia đình nên bà đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Bà xác định không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Th.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 12/02/2021; hiện trẻ Tr đang sống với bà. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Giấy đăng ký kết hôn (bản chính), sổ hộ khẩu (bản sao), căn cước công dân (bản phô tô), giấy khai sinh của con chung (bản sao), đơn khởi kiện, bản tự khai (bản chính).

Ông Nguyễn Hữu Th đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đương sự đến tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung Đơn khởi kiện ngày 26/9/2022, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là "Ly hôn theo yêu cầu của một bên" được quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thuộc trường hợp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã H, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về tống đạt, xét xử vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Hữu Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Th.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Tuyết M với ông Nguyễn Hữu Th tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 22/2018 ngày 24/4/2018 là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu của bà M xin ly hôn với ông Th là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà M thì mâu thuẫn giữa bà với ông Th là trầm trọng và không thể hàn gắn do vấn đề về tiền bạc mà vợ chồng thường xuyên cãi vả gay gắt, ông Th không lo cho vợ con và gia đình, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho gia đình mất hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà với ông Th không còn quan hệ vợ chồng, đã ly thân từ năm 2021 đến nay.

Ông Th đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ án. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Th căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà M với ông Th không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai bên không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 12/02/2021; con chung đang sống cùng bà M. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung cũng như nguyện vọng của bà M nên cần giao cho bà M tiếp tục được quyền nuôi dưỡng con chung và ông Th không cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Bà M xác định vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Nghĩa vụ dân sự chung: Ghi nhận lời khai của bà M vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Tuyết M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Tuyết M được ly hôn với ông Nguyễn Hữu Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2018 ngày 24/4/2018 đã được Ủy ban nhân dân xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà M, ông Th không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 12/02/2021. Bà M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung; ghi nhận sự tự nguyện của bà M không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung có thể thay đổi do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Võ Thị Tuyết M phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2022/0019954 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Anh Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Anh Đạt